

Tiêu chuẩn lựa chọn người bạn đời ở một làng đồng bằng sông Hồng trong 75 năm vừa qua

Ngô Thị Thanh Quý

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam

Tóm tắt: Dựa vào nguồn số liệu điều tra thực nghiệm về hôn nhân tại làng Tam Sơn (xã Tam Sơn, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh), bài viết phân tích các nguyên nhân dẫn đến sự biến đổi các tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời của các thế hệ qua các giai đoạn từ 1938 đến 2013. Theo đó, tác giả cho rằng sự vận hành và biến đổi của các tiêu chuẩn lựa chọn người bạn đời ở làng Tam Sơn là liên tục từ thế hệ này sang thế hệ khác, có sự kế thừa, nâng cao và hoàn thiện hơn trong từng giai đoạn. Bằng chứng là các giá trị như khỏe mạnh, có đạo đức tốt, có lý lịch trong sạch luôn được giữ vững ở cả 3 nhóm thuộc 3 giai đoạn kết hôn khác nhau; còn các tiêu chí khác như có học vấn, có nghề nghiệp, có tình yêu... có tỷ lệ người lựa chọn tăng dần qua các thế hệ.

Từ khoá: Lựa chọn bạn đời; Hôn nhân; Gia đình; Biến đổi gia đình.

Trong vài thập niên gần đây ngành Xã hội học ở nước ta đã tập trung khá nhiều vào việc nghiên cứu biến đổi gia đình Việt Nam từ truyền thống đến hiện tại. Không ít các nghiên cứu đã đi sâu mô tả và phân tích sự biến đổi trên các phương diện chức năng và cấu trúc của gia đình, qua đó mang lại cho bạn đọc một sự hiểu biết tương đối có hệ thống về sự biến đổi ấy. Tuy nhiên, bức tranh về sự biến đổi gia đình Việt Nam vẫn còn một khoảng trống chưa được lấp đầy – đó là sự biến đổi về văn hóa gia đình

nói chung, cũng như biến đổi hệ giá trị gia đình nói riêng. Ở bài viết này, dựa vào nguồn số liệu điều tra thực nghiệm tại làng Tam Sơn (xã Tam Sơn, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) về hôn nhân trong khoảng ba phần tư thế kỷ vừa qua, chúng tôi hy vọng sẽ đóng góp được một phần nhỏ bé nhằm lấp dần khoảng trống đó.

1. Giới thiệu địa bàn và phương pháp nghiên cứu

Địa bàn khảo sát là Tam Sơn – một làng thuộc xã Tam Sơn, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, cách Hà Nội khoảng 20km về phía Bắc. Đây là một làng Việt cổ, được hình thành ngay từ thời Hùng Vương. Đến cuối thế kỷ X đầu thế kỷ XI, Tam Sơn đã là một trong những vị trí quan trọng trong đời sống chính trị, kinh tế và tôn giáo của đất nước (Tô Duy Hợp, 1993:16).

Tam Sơn là một làng khoa bảng, từ thời nhà Trần đã có người đỗ đại khoa (Nguyễn Quan Quang đỗ trạng nguyên vào năm 1246), tiếp đó dưới các thời nhà Lê, nhà Mạc, nhà Nguyễn, trong làng đều có người đỗ đạt cao và làm quan trong triều đình. Tam Sơn cũng là làng có truyền thống cách mạng. Nhiều người con của làng đã tham gia cách mạng ngay từ thời kỳ thành lập Đảng, tiếp đến là tham gia vào hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ thực hiện giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước. Hiện nay người dân Tam Sơn vẫn tự hào vì đã phát huy được cả truyền thống khoa bảng và truyền thống cách mạng của cha ông. Cả làng hiện có 21 dòng họ cùng sinh sống, trong đó có 200 người tốt nghiệp đại học, hơn 10 người có học hàm học vị trên đại học, mỗi năm đều có khoảng trên 30 học sinh đỗ vào đại học (Sở Văn hóa – Thông tin Bắc Ninh và Ủy ban nhân dân xã Tam Sơn, 2003).

Tại thời điểm khảo sát (tháng 11 năm 2013), Tam Sơn có 1.210 hộ gia đình, 4.276 nhân khẩu, diện tích canh tác 589,76 ha mẫu Bắc Bộ, diện tích đất ở 62,13 ha. Ngoài chăn nuôi và trồng trọt, mấy năm gần đây những người dân đi làm công về nghề mộc ở làng Đông Kỵ trở về làng tự đứng ra mở xưởng, sản phẩm chủ yếu là bàn ghế hoặc đồ gỗ mỹ nghệ. Hiện có khoảng 60% số hộ của làng tham gia vào nghề này. Vì thế Tam Sơn trở nên nhộn nhịp. Từ ngày đổi mới, Tam Sơn có sự chuyển đổi đáng kể. Khung cảnh làng khang trang hơn trước, lối chính vào làng được đổ nhựa, đường sá đi lại được bê tông hóa. Các công trình công cộng như công viên Ngô Gia Tự, trường mầm non được đầu tư xây dựng bề thế. Nhà ở được xây kiên cố, nhiều nhà cao tầng mọc lên, 100% số hộ có điện thắp sáng. Các phương tiện truyền thông đại chúng như radiô, ti vi, điện thoại di động ngày càng tăng lên, đặc biệt thời gian gần đây Tam Sơn có khoảng 10%

hộ có máy tính nối mạng. Xe đạp mỗi nhà có từ 1 đến 2 chiếc. Số xe máy tăng dần theo thời gian và trong làng đã có vài chiếc ô tô tư nhân. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và cơ chế thị trường có ảnh hưởng rõ nét tới đời sống cư dân trong làng.

Cuộc nghiên cứu của chúng tôi được thực hiện theo *phương pháp điều tra chọn mẫu*. Căn cứ theo hộ khẩu và sổ theo dõi đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân (UBND) xã cung cấp, chúng tôi cùng với trưởng thôn tiến hành lập danh sách các cặp vợ chồng trong thôn theo thứ tự từ năm kết hôn sớm nhất đến năm kết hôn muộn nhất. Theo danh sách này, 445 cặp vợ chồng được lựa chọn một cách ngẫu nhiên hệ thống (với mức ý nghĩa 95%, khoảng tin cậy là 3,5% và bước nhảy là 3). Ở mỗi cặp vợ chồng, chỉ phỏng vấn vợ hoặc chồng, do đó nam và nữ trong tập mẫu không phải là vợ chồng của nhau. Mẫu được lựa chọn có tính đến yếu tố giới tính, năm kết hôn và địa bàn cư trú.

Trong danh sách 445 cặp vợ chồng được lựa chọn, cặp kết hôn sớm nhất là vào năm 1938 và cặp kết hôn muộn nhất vào năm 2013, nghĩa là cách nhau đến ba phần tư thế kỷ (75 năm). Dựa vào những sự kiện quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội của đất nước, chúng tôi chia khoảng thời gian này thành 3 giai đoạn, mỗi giai đoạn đều có độ dài trên 20 năm, tương ứng với một thế hệ. Dem so sánh quan niệm cũng như hành vi giữa ba thế hệ này sẽ thấy được sự vận hành và biến đổi của khuôn mẫu lựa chọn bạn đời ở Tam Sơn từ 1938 đến nay. Nhằm bổ sung cho các số liệu định lượng, cuộc khảo sát còn tiến hành phỏng vấn sâu 30 trường hợp bao gồm cả nam và nữ, người già và người trẻ, tổ chức 2 cuộc thảo luận nhóm tập trung để nghe ý kiến và cách giải thích của chính người dân về sự lựa chọn tiêu chuẩn kết hôn của họ.

2. Tiêu chuẩn lựa chọn người bạn đời ở Tam Sơn qua ba giai đoạn

2.1. Giai đoạn từ 1938-1959

Nhóm kết hôn trong giai đoạn này có 92 người, chiếm 20,7% tổng số mẫu, trong đó nam 41 người (44,6%), nữ 51 người (55,4%). Những người kết hôn trong giai đoạn này đến nay đã rất cao tuổi, người già nhất là 91 tuổi, người ít tuổi nhất cũng ngót 70. Đặc điểm của giai đoạn này là tuổi kết hôn không đều giữa các thành viên của nhóm, bởi trong nhóm có người tảo hôn năm 11 tuổi, trong khi đó có người đến 34 tuổi mới kết hôn lần đầu. Tuổi kết hôn trung bình cho cả nhóm nam và nhóm nữ là 20,1 tuổi, tính riêng nhóm nam là 21,3 tuổi, nhóm nữ là 18,9 tuổi. Tổng hợp kết quả điều tra về tiêu chuẩn lựa chọn người bạn đời ở nhóm này, chúng tôi lập được bảng 1.

Bảng 1. Tiêu chuẩn lựa chọn người bạn đời ở Tam Sơn giai đoạn 1938 - 1959

Tiêu chuẩn	Số người	Tỷ lệ %
Khỏe mạnh	78	84,8
Có đạo đức tốt	77	83,7
Siêng năng, cần cù	52	56,5
Ở gần nhà (cùng làng, cùng xã)	45	48,9
Thương yêu nhau	27	29,3
Có lý lịch trong sạch	26	28,3
Theo sự lựa chọn của bố mẹ, họ hàng	23	25,0
Môn đăng hộ đối	23	25,0
Có trình độ học vấn	7	7,6
Có nghề nghiệp và thu nhập ổn định	5	5,4
Do chính quyền, đoàn thể sắp đặt	2	2,2
Khác	2	2,2

Trong bảng 1, chúng tôi đặc biệt lưu ý tới 6 giá trị thuộc phẩm chất con người, đồng thời cũng là các chuẩn mực xã hội được đề cao (chiếm từ 28,3% đến 84,8%), đó là khỏe mạnh, siêng năng - cần cù, có đạo đức tốt, ở gần nhà, có lý lịch trong sạch và tình thương yêu lẫn nhau. Tại sao trong hôn nhân người ta lại đề cao và lựa chọn các giá trị này? Chính người dân đã cho biết: “*Những người khỏe mạnh thì làm ruộng cũng giỏi*” (nữ, kết hôn năm 1949, làm nông nghiệp). Được hỏi về các tiêu chuẩn có đạo đức tốt và ở gần nhà, một nam giới cho biết: “*Ở làng này người ta coi trọng tình nghĩa lắm. Người ta quan điểm rằng “khó trong làng còn hơn sang thiên hạ”. Những người phải đi lấy vợ, lấy chồng thiên hạ là vì trong làng không lấy được mới lấy thiên hạ*” (nam, kết hôn năm 1956, làm thủ công nghiệp). Về tiêu chuẩn thương yêu lẫn nhau, một phụ nữ còn khẳng định: “*Nói đến đàn ông làng này là họ không phân biệt việc này là việc của đàn ông hay việc của đàn bà. Nói thật là họ có tình thương trong trách nhiệm gia đình*” (nữ, kết hôn năm 1959, làm nông nghiệp). Rõ ràng là sự lựa chọn giá trị trong hôn nhân ở đây một phần là theo phong tục, tập quán, song phần quan trọng hơn là xuất phát từ những gì gần gũi và thiết thực trong chính cuộc sống của họ.

2.2. Giai đoạn từ 1960-1985

Giai đoạn này có 154 người kết hôn, chiếm 34,6% tổng số người được khảo sát, trong đó nam 81 người (52,6%), nữ 73 người (47,4%). Nhóm kết hôn từ 1960-1985 đến nay đang ở lứa tuổi từ 45 đến 70 tuổi. Trong nhóm này cũng có sự không đồng đều về tuổi kết hôn: có người kết hôn lần đầu gần 40 tuổi, trong khi đó có một số người kết hôn lần đầu năm 17 tuổi. Tuổi kết hôn trung bình cho cả nhóm nam và nhóm nữ là 22,2 tuổi, tính

**Bảng 2. Tiêu chuẩn lựa chọn người bạn đời ở Tam Sơn
giai đoạn 1960 – 1985**

Tiêu chuẩn	Số người	Tỷ lệ %
Có đạo đức tốt	149	96,8
Khỏe mạnh	141	91,6
Thương yêu nhau	103	66,9
Siêng năng, cần cù	99	64,3
Ở gần nhà (cùng làng, cùng xã)	68	44,2
Có lý lịch trong sạch	44	28,6
Có trình độ học vấn	28	18,2
Có nghề nghiệp và thu nhập ổn định	27	17,5
Theo sự lựa chọn của bố mẹ, họ hàng	22	14,3
Môn đăng hộ đối	14	9,1
Do chính quyền, đoàn thể sắp đặt	1	0,6
Khác	2	1,3

riêng nhóm nam là 23,7 tuổi, nhóm nữ là 20,7 tuổi. Số liệu điều tra của chúng tôi về tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời của giai đoạn này được phân bố ở bảng 2.

So sánh với kết quả điều tra ở bảng 1 ta thấy tỷ lệ những người kết hôn thực hành các giá trị và chuẩn mực xã hội như ở gần nhà, theo sự lựa chọn của bố mẹ và họ hàng hay môn đăng hộ đối đã giảm xuống đáng kể, trong khi các giá trị khỏe mạnh, siêng năng – cần cù, có đạo đức tốt, có trình độ học vấn, có lý lịch trong sạch, có nghề nghiệp và thu nhập ổn định không những được bảo lưu mà còn tăng lên, đặc biệt tiêu chuẩn thương yêu nhau đã tăng lên khá mạnh (từ 29,3% lên 66,9%).

Sự vận hành và biến đổi của các giá trị và chuẩn mực trong việc lựa chọn người bạn đời ở làng Tam Sơn giai đoạn 1960-1985 như vừa nêu không phải là hiện tượng mang tính ngẫu nhiên, mà có những nguyên nhân hoặc trực tiếp hoặc sâu xa của nó. Qua các cuộc phỏng vấn sâu đối với người dân và cán bộ địa phương, chúng tôi ghi nhận một số nguyên nhân cơ bản sau đây. Thứ nhất, ngay từ những năm 1960, Luật Hôn nhân và gia đình của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (ban hành ngày 29 tháng 12 năm 1959) đã được phổ biến rộng rãi ở Tam Sơn. Với tinh thần cơ bản mà Bộ Luật này đã quy định là mỗi cá nhân đều có toàn quyền lựa chọn và quyết định việc hôn nhân của mình, thì các bậc cha mẹ dù có muốn níu kéo các chuẩn mực xưa cũ đến đâu cũng không dám can thiệp thô bạo, do đó việc sắp đặt của cha mẹ theo môn đăng hộ đối đã giảm xuống. Thứ hai, cũng từ những năm 1960, bên cạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ở miền Bắc còn bắt đầu sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, với khẩu

hiệu sống theo “đời sống mới”, rồi phong trào hợp tác hóa, nhất là sản xuất nông nghiệp. Trong bối cảnh đó, đương nhiên là các giá trị như khỏe mạnh, cần cù, có đạo đức, có học vấn... được đề cao. Thứ ba, một trong những thành tựu quan trọng của giai đoạn 1960-1985 ở nước ta là sự nghiệp giáo dục. Ở Tam Sơn, hầu hết những người kết hôn trong giai đoạn này mà chúng tôi phỏng vấn đều đã tốt nghiệp cấp II (tức là phổ thông cơ sở hiện nay). Nếu so với con số 95% dân số Việt Nam trước năm 1945 là mù chữ, thì đây quả thực là sự tiến bộ vượt bậc. Với trình độ học vấn ấy thì không mấy ai lại coi nhẹ các tiêu chuẩn như có lý lịch trong sạch, có nghề nghiệp và nhất là có tình yêu thương trong việc lựa chọn ý trung nhân của đời mình.

2.3. Giai đoạn 1986-2013

Ở giai đoạn này có 199 người kết hôn, chiếm 44,7% tổng số người được khảo sát, trong đó nam 112 người (56,3%), nữ 87 người (43,7%). Nhóm này đang ở lứa tuổi 20-45. Ở giai đoạn này, người kết hôn lần đầu có tuổi đời cao nhất là 34 tuổi, người thấp nhất là 17 tuổi. Tuổi kết hôn trung bình cho cả nhóm nam và nhóm nữ là 22,5 tuổi, tính riêng nhóm nam là 24,3 tuổi, nhóm nữ là 20,8 tuổi. Độ dài của giai đoạn này gần 30 năm, trùng với thời kỳ đổi mới của đất nước. Số liệu điều tra định lượng ở giai đoạn này thể hiện ở bảng 3 sau đây:

Bảng 3 cho thấy trong việc hôn nhân của người dân Tam Sơn ở thời kỳ đổi mới (từ 1986 đến 2013), ngoài các giá trị mang tính ổn định như khỏe mạnh, có đạo đức tốt, thì việc lựa chọn người bạn đời vẫn diễn ra theo hai xu hướng. Đó là, trong khi tỷ lệ tuân thủ các giá trị và chuẩn mực mang tính cổ truyền như ở gần nhà, môn đăng hộ đối, kết hôn theo sự sắp đặt

Bảng 3. Tiêu chuẩn lựa chọn người bạn đời ở Tam Sơn giai đoạn 1986 đến 2013

Tiêu chuẩn	Số người	Tỷ lệ %
Có đạo đức tốt	191	96,0
Khỏe mạnh	185	93,0
Thương yêu nhau	154	77,4
Siêng năng, cần cù	112	56,3
Có lý lịch trong sạch	77	38,7
Ở gần nhà (cùng làng, cùng xã)	76	38,2
Có trình độ học vấn	43	21,6
Có nghề nghiệp và thu nhập ổn định	43	21,6
Môn đăng hộ đối	16	8,0
Theo sự lựa chọn của bố mẹ, họ hàng	6	3,0
Do chính quyền, đoàn thể sắp đặt	0	0,0
Khác	1	0,5

của bố mẹ và họ hàng tiếp tục giảm xuống, thì tỷ lệ lựa chọn các tiêu chuẩn như có trình độ học vấn, có lý lịch trong sạch, có nghề nghiệp và thu nhập, thương yêu nhau không ngừng tăng lên. Đặc biệt, cần nhấn mạnh là tiêu chuẩn “siêng năng – cần cù” đã giảm từ 64,3% xuống còn 56,3% và hôn nhân “do chính quyền, đoàn thể sắp đặt” từ 0,6% xuống còn 0,0% người lựa chọn.

Tại sao người dân Tam Sơn đã lựa chọn các giá trị hôn nhân như trên và sự lựa chọn ấy phản ánh điều gì trong sự vận hành của đời sống gia đình từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay?

Căn cứ vào các kết quả điều tra định lượng ở bảng 2 và bảng 3, chúng tôi đặc biệt lưu ý tới sự vận hành và biến đổi các tiêu chuẩn lựa chọn người bạn đời ở Tam Sơn qua hai giai đoạn bao cấp và đổi mới. Rõ ràng là sự biến đổi này không mang tính đứt gãy hoặc đột biến mà mang tính liên tục, giai đoạn trước đặt tiền đề cho giai đoạn sau, giai đoạn sau nâng cao và hoàn thiện cho giai đoạn trước. Nếu ở giai đoạn 1960-1985 các nhân tố như Luật Hôn nhân và gia đình, phong trào sống theo nếp sống mới, trình độ học vấn được nâng cao đã tạo sự chuyển biến trong việc lựa chọn các tiêu chuẩn hôn nhân mới, thì ở giai đoạn từ 1986 đến 2013 các nhân tố như công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhất là việc thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW ra ngày 18/2/1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở) chính là những động lực thúc đẩy cho sự vận hành và biến đổi ấy ngày thêm hoàn thiện. Các số liệu về tỷ lệ kết hôn do “sắp đặt của bố mẹ” giảm xuống chỉ còn 3% và “do chính quyền, đoàn thể” là 0,0% của giai đoạn này đã nói lên điều đó.

Nhưng còn tiêu chuẩn “siêng năng – cần cù” ở hai giai đoạn 1960-1985 và 1986-2013 đã giảm từ 64,3% xuống còn 56,3% thì sao? Quả thật đây là một điều rất mới. Ai cũng biết siêng năng, cần cù là một phẩm chất rất cao quý ở con người, đồng thời cũng là một giá trị quan trọng. Thế tại sao trong việc lựa chọn người bạn đời của người dân Tam Sơn hiện nay tỷ lệ dành cho tiêu chuẩn này lại giảm xuống?

Chúng ta hãy nghe sự giải thích từ chính người dân. Đây là lời một người mẹ trẻ: *“Siêng năng, cần cù thì bao giờ cũng là điều quý nhất. Cái làng này, cái xã này mà còn đến giờ là nhờ cái tính siêng năng, cần cù ấy đấy. Tôi nói như vậy có đúng không? Nhưng mà như nhà tôi đây, từ ngày nhận khoán, cả nhà chỉ có 3-4 sào ruộng, mỗi khi mùa vụ, xúm vào làm chỉ có 5-6 tuần là xong việc. Ấy vậy thì, muốn siêng năng, cần cù cũng chẳng được”* (nữ, kết hôn năm 1990, làm nông nghiệp). Còn đây là suy nghĩ của một giáo viên đã về hưu, hiện đang sống ở làng: *“Tôi làm nghề dạy học nên tôi biết. Trong việc dạy dỗ học trò, anh em vẫn thường bảo*

nhau, thôi thì lấy cần cù bù thông minh. Nhưng đây là việc đi dạy và đi học thời chúng tôi. Còn bây giờ là trong thời buổi kinh tế thị trường, nước mình cũng đã vào WTO (tổ chức thương mại thế giới) rồi, thế thì mình phải biết tính toán làm ăn, biết hội nhập với thế giới. Nếu mình chỉ suốt đời siêng năng, cần cù mà không đổi mới, thì suốt đời cũng chỉ đi làm thuê cho người ta thôi” (nam, kết hôn năm 1972, giáo viên về hưu). Có lẽ, những ý kiến trên đây của người dân cũng đủ giải thích tại sao tỷ lệ lựa chọn tiêu chuẩn “siêng năng - cần cù” trong hôn nhân hiện nay đã giảm xuống.

3. Đòi lời nhận xét

Nhìn lại sự vận hành và biến đổi của các tiêu chuẩn lựa chọn người bạn đời ở làng Tam Sơn trong 75 năm qua (từ 1938 đến 2013), ta dễ dàng nhận thấy sự vận hành ở đây là liên tục từ thế hệ này sang thế hệ khác, các phong tục và truyền thống văn hóa của làng tỏ ra khá bền vững, sự biến đổi diễn ra dần dần ở từng bộ phận và có sự kế thừa, nâng cao và hoàn thiện hơn trong từng giai đoạn. Bằng chứng là các giá trị như khỏe mạnh, có đạo đức tốt, có lý lịch trong sạch luôn được giữ vững ở cả 3 nhóm thuộc 3 giai đoạn kết hôn khác nhau; còn các tiêu chuẩn như gần nhà, theo sự sắp đặt của cha mẹ, môn đăng hộ đối hay có học vấn, có nghề nghiệp, có tình yêu... cũng có tỷ lệ người lựa chọn giảm dần hoặc tăng dần qua các thế hệ.

Sự vận hành và biến đổi tiêu chuẩn lựa chọn người bạn đời trên đây có những lý do xã hội của nó. Đó có thể là kết quả của phong trào sống theo “đời sống mới” được phát động từ những năm 1950, là Luật Hôn nhân và gia đình đã đi vào cuộc sống và sau nữa là tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tác động của nền kinh tế thị trường, sự chi phối của xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Việc phân tích nguyên nhân dẫn đến sự biến đổi các tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời ở làng Tam Sơn trong quãng thời gian từ 1938 đến 2013 không chỉ là sự phản ánh của hiện thực xã hội, một hiện thực đang trên đường biến đổi, mà còn cho thấy hôn nhân không chỉ là chuyện duyên số hay tiếng gọi của con tim, mà còn chịu sự chế định của những điều kiện lịch sử cụ thể, hay nói khác đi còn là sự lựa chọn các giá trị và chuẩn mực của thời đại. ■

Tài liệu trích dẫn

Đình Xuân Lâm. 2003. “Dấu ấn truyền thống và hiện đại”. Trong: *Làng Tam Sơn truyền thống và hiện đại*. Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Bắc Ninh và Ủy ban nhân dân xã Tam Sơn. Bắc Ninh.

- Chỉ thị của Bộ Chính trị số 30-CT/TW, ngày 18/2/1998 (khóa VIII về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở).
- Khuất Thu Hồng. 1996. *Các mô hình hôn nhân ở đồng bằng sông Hồng từ truyền thống đến hiện đại*. Luận án Tiến sĩ.
- Lê Ngọc Văn. 2007. “Mô hình tìm hiểu và quyết định hôn nhân ở nông thôn Việt Nam trong thời kỳ đổi mới”. *Tạp chí Xã hội học*, số 3(24)/2007.
- Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam từ năm 1950 đến năm 1959*. 1998. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 1986 và những văn bản có liên quan*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Mai Văn Hai. 2004. “Tìm hiểu văn hóa làng Việt vùng châu thổ sông Hồng qua sự biến đổi đường bán kính kết hôn hơn nửa thế kỷ qua”. *Tạp chí Xã hội học*, số 4/2004.
- Nguyễn Hữu Minh. 2008. *Khuôn mẫu lựa chọn bạn đời ở Việt Nam: truyền thống và biến đổi*. Kỷ yếu hội thảo quốc tế Việt Nam lần thứ ba. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- Nguyễn Hữu Minh. 1999. “Quyền tự do lựa chọn bạn đời ở một số tỉnh đồng bằng sông Hồng: truyền thống và biến đổi”. *Tạp chí Xã hội học*, số 1 (65)/1999.
- Phan Kế Bính. 1990. *Việt Nam phong tục*. Nxb. Tổng hợp Đồng Tháp.
- Tô Duy Hợp và cộng sự. 1993. *Tam Sơn truyền thống và hiện đại*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Trần Đình Luyện. 2003. “Làng Tam Sơn - truyền thống lịch sử văn hóa và vấn đề kế thừa”. Trong: *Làng Tam Sơn truyền thống và hiện đại*. Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Bắc Ninh và Ủy ban nhân dân xã Tam Sơn, Bắc Ninh.
- Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Bắc Ninh và Ủy ban nhân dân xã Tam Sơn. 2003. *Làng Tam Sơn – truyền thống và hiện đại*. Bắc Ninh.
- Toan Ánh. 2005. *Nếp cũ con người Việt Nam*. Nxb. Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.